

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HUẾ  
TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **40/2021/DS-ST**

Ngày: 18 - 8 - 2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HUẾ, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Nam.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Vy.

Bà Trần Thị Thanh Xuân.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Văn Thuận – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Huế.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế tham gia phiên tòa:** Ông Lê Văn Đông - Kiểm sát viên.

Ngày 18 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở, Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 136/2021/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2021 về Tranh chấp hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 47/2021/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 140/2021/QĐST-DS ngày 29/7/2021, giữa các đương sự:

- Ngân hàng TMCP D; địa chỉ: Đường L, quận N, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo pháp luật: Ông V.M.T – Chủ tịch Hội đồng quản trị.  
Người đại diện theo ủy quyền: Ông N.Đ.T.T; có mặt.

- Bị đơn: Bà N.T.T.N, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông T.D, sinh năm 1976;

Địa chỉ: Đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 20/10/2020, người đại diện của Ngân hàng TMCP D trình bày:

Trên cơ sở Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn của người vay là bà N.T.T.N, người bảo lãnh là ông T.D (chồng bà N), được Hội Liên hiệp phụ nữ

phường K, thành phố H ký xác nhận. Ngày 04/6/2018, bà N.T.T.N và Ngân hàng TMCP D, chi nhánh thành phố H, Phòng giao dịch MTL đã ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140. Theo hợp đồng, số tiền vay là 30.000.000 đồng, mục đích vay là để bổ sung vốn sản xuất kinh doanh; thời hạn vay là 24 tháng; mức lãi suất tính trên dư nợ ban đầu trong hạn là 9%/năm, tương đương lãi suất cho vay tính trên dư nợ thực tế là 17,28%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% so với lãi suất trong hạn; phương thức trả nợ gốc và lãi vay được chia làm 24 kỳ, mỗi kỳ (hàng tháng) bên vay phải trả là 1.475.000 đồng, thời điểm bắt đầu trả là từ ngày 04/7/2018.

Sau khi ký kết hợp đồng tín dụng cho vay trả góp, Ngân hàng TMCP D đã tiến hành giải ngân đủ số tiền 30.000.000 đồng cho bà N.T.T.N. Quá trình thực hiện hợp đồng, bà N.T.T.N chỉ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D tổng số tiền gốc và lãi là 17.900.000 đồng; trong đó: số tiền gốc là 13.904.000 đồng, tiền lãi trong hạn là 3.996.000 đồng. Sau đó, bà N không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn như thỏa thuận. Mặc dù Ngân hàng TMCP D đã nhiều lần nhắc nhở và yêu cầu trả nợ nhưng bà N vẫn không thanh toán nợ. Tính đến ngày 20/10/2020, bà N.T.T.N còn nợ Ngân hàng TMCP D tổng cộng số tiền gốc và lãi là 19.330.724 đồng. Do đó, Ngân hàng TMCP D khởi kiện yêu cầu bà N.T.T.N và ông T.D phải trả số tiền trên và lãi suất phát sinh từ ngày 21/10/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện của Ngân hàng TMCP D thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà N.T.T.N phải trả cho Ngân hàng tổng cộng số tiền nợ còn thiếu tính đến ngày hôm nay 18/8/2021 là: 21.146.220 đồng (trong đó: nợ gốc: 16.096.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.404.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.646.220 đồng); đồng thời buộc bà N.T.T.N phải tiếp tục chịu số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp đã ký kết giữa Ngân hàng TMCP D và bà N.T.T.N tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (tức là tính từ ngày 19/8/2021) cho đến khi trả hết nợ vay. Trong trường hợp bà N.T.T.N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ thì đề nghị Tòa án xem xét buộc người bảo lãnh là ông T.D (chồng bà N) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N.T.T.N theo đúng cam kết tại mục IV của Giấy đề nghị vay vốn kèm phương án sử dụng vốn ngày 25/4/2018.

- Tại bản tự khai, biên bản hòa giải ngày 21/6/2021 và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn là bà N.T.T.N trình bày: Tháng 06/2018, bà N có vay của Ngân hàng TMCP D số tiền 30.000.000 đồng để làm ăn, thời hạn vay 24 tháng, phương thức thanh toán nợ gốc và lãi là trả hàng tháng, mỗi tháng trả 1.475.000 đồng. Sau khi ký kết hợp đồng, bà N đã nhận đủ số tiền 30.000.000 đồng và đã trả nợ hàng tháng theo đúng thỏa thuận. Tuy nhiên, từ tháng 10/2019 cho đến nay, do điều kiện làm ăn buôn bán gặp nhiều khó khăn nên bà N đã không trả được nợ gốc và lãi đúng hạn cho Ngân hàng.

Về số tiền nợ gốc và lãi mà Ngân hàng TMCP D khởi kiện thì bà N đồng ý chứ không có ý kiến gì. Bà N đề nghị Ngân hàng xem xét tạo điều kiện cho bà được

một mình trả nợ và trả dần hàng tháng với số tiền mỗi tháng 2.000.000 đồng, mà không buộc ông T.D phải trả nợ thay trong trường hợp bà không trả được nợ.

**Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T.D** đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông D không đến làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nên Tòa án không thể lấy lời khai của ông D.

Quá trình giải quyết vụ án, người khởi kiện đã giao nộp các tài liệu, chứng cứ gồm: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty cổ phần của Ngân hàng TMCP D (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của Ngân hàng TMCP D (Bản sao); Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của Ngân hàng TMCP D – chi nhánh thành phố H - Phòng giao dịch MTL (Bản sao); Quyết định số 166/QĐ-HĐQT-DAB ngày 12/10/2015 của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP D về việc thay đổi tên gọi và địa điểm Phòng giao dịch Ngân hàng TMCP D – chi nhánh thành phố H (Bản sao); Quyết định ủy quyền số 11/QĐ-DAB-HĐQT ngày 24/01/2019 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP D (Bản sao); Quyết định số 168/QĐ-DAB-HĐQT ngày 30/9/2020 của Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP D về việc gia hạn thời gian giữ chức vụ của ông N.H.Đ.D (Bản sao); Quyết định số 292/QĐ-DAB-PC ngày 23/3/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng TMCP D về việc ủy quyền thường xuyên cho ông N.H.Đ.D (Bản sao); Giấy ủy quyền của Giám đốc chi nhánh Ngân hàng TMCP D (Bản chính); Chứng minh nhân dân của N.T.T.N và T.D (Bản photo); Sổ hộ khẩu chủ hộ T.D (Bản photo); Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn (Bản sao); Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018 (Bản sao); Danh sách cho vay trả góp giải ngân qua tài khoản thẻ (Bản sao); Bảng sao kê hoạt động của khách hàng vay (Bản chính); Bảng tính lãi quá hạn (Bản chính); Thông báo khởi kiện (Bản chính).

Phía bị đơn là bà N.T.T.N không giao nộp, tài liệu chứng cứ gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, đều chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng, không có vi phạm gì cần phải kiến nghị khắc phục.

Nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định tại các Điều 70, 71 và 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Tại phiên tòa hôm nay, ông T.D đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự để tiếp tục xét xử vụ án.

- Về nội dung: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc buộc bị đơn phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc và lãi tính đến ngày 18/8/2021 là 21.146.220 đồng và số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn hai bên đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết khoản nợ vay là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP D về việc buộc ông T.D (chồng bà N.T.T.N) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N trong trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ là phù hợp với cam kết của người bảo lãnh tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 04/6/2018 nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về án phí: Đề nghị Hội đồng xét xử buộc bị đơn là bà N.T.T.N phải chịu theo luật định.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời khai của các đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Huế, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngân hàng TMCP D khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng cho vay trả góp đối với bị đơn là bà N.T.T.N và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T.D đều có địa chỉ: Đường L, phường K, thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế. Căn cứ Tiêu mục 13.1 Mục 13 của Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 và điểm b khoản 1 Điều 40 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì Tòa án nhân dân thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế thụ lý giải quyết vụ án này là đúng thẩm quyền.

- Về sự vắng mặt của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông T.D: Quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập, tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng ông T.D không đến làm việc, không cung cấp tài liệu, chứng cứ là tự chối bỏ việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng ông T.D tiếp tục vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo thủ tục chung.

[2] Về quyền khởi kiện của người khởi kiện và tính hợp pháp Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018:

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần, mã số: 0301442379, đăng ký lần đầu ngày 08/4/1992, đăng ký thay đổi lần thứ 39 ngày 11/9/2015 do Phòng đăng ký kinh doanh Sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp thì Ngân hàng TMCP D được thành lập và tổ chức hoạt động tín dụng

dưới hình thức Công ty cổ phần, có tư cách pháp nhân theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ký kết ngày 04/6/2018 giữa Ngân hàng TMCP D và bà N.T.T.N có xác nhận của Hội Liên hiệp phụ nữ phường K, thành phố H về việc bảo đảm cho người vay vốn là thuộc loại hợp đồng được bảo đảm bằng tín chấp theo quy định tại các Điều 344 và 345 của Bộ luật dân sự. Các điều khoản ký kết trong hợp đồng này đều không trái pháp luật và đạo đức xã hội, phù hợp với quy định tại các Điều 385, 398, 401, 463, khoản 5 Điều 466 và 468 của Bộ luật dân sự. Vì vậy, Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018 là hợp pháp nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết. Hiện tại, bà N.T.T.N còn thiếu nợ nhưng không trả đúng hạn theo thỏa thuận trong hợp đồng nên Ngân hàng TMCP D khởi kiện là có cơ sở.

[3] Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, người đại diện của Ngân hàng TMCP D thay đổi nội dung khởi kiện, yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc bà N.T.T.N phải có nghĩa vụ trả nợ, trường hợp bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ thì buộc người bảo lãnh là ông T.D (chồng bà N) phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N.T.T.N theo cam kết tại Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn ngày 25/4/2018, Hội đồng xét xử thấy rằng: Việc thay đổi yêu cầu này không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện nên cần chấp nhận.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, thấy rằng:

Sau khi ký kết Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018, Ngân hàng TMCP D đã tiến hành giải ngân cho bà N.T.T.N số tiền cho vay 30.000.000 đồng là đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình. Theo thỏa thuận trong hợp đồng, bà N.T.T.N phải có nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi trong 24 kỳ (24 tháng), số tiền gốc và lãi phải trả mỗi kỳ là 1.475.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, bà N.T.T.N chỉ trả cho Ngân hàng TMCP D tính đến ngày 30/10/2019 tổng số tiền gốc và lãi là: 17.900.000 đồng. Sau đó, bà N không tiếp tục trả nợ gốc và lãi theo đúng kỳ hạn là không thực hiện đầy đủ nghĩa vụ trả nợ theo đúng thỏa thuận nên đã vi phạm hợp đồng.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N.T.T.N xác nhận còn nợ Ngân hàng TMCP D tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày 18/8/2021 là 21.146.220 đồng (trong đó: nợ gốc: 16.096.000 đồng, nợ lãi trong hạn: 1.404.000 đồng, nợ lãi quá hạn: 3.646.220 đồng). Bà N đề nghị Ngân hàng xem xét tạo điều kiện cho bà được một mình trả nợ và trả dần hàng tháng với số tiền mỗi tháng 2.000.000 đồng, mà không buộc ông T.D phải trả nợ thay trong trường hợp bà không trả được nợ. Tuy nhiên, yêu cầu này không được nguyên đơn chấp nhận; đồng thời, theo Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn giữa người vay là bà N.T.T.N, người bảo lãnh là ông T.D (chồng bà N), được Hội Liên hiệp phụ nữ phường K, thành phố H ký xác nhận ngày 25/4/2018, tại mục IV về phần cam kết của người bảo lãnh có ghi: “Tôi cam kết trong trường hợp bà N.T.T.N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ hàng kỳ cho Ngân hàng D, tôi sẽ trả nợ thay cho người vay cho đến khi hết nợ vay tại



Ngân hàng D”. Xét cam kết này của ông T.D là tự nguyện, không trái pháp luật và đạo đức xã hội nên phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên tham gia ký kết. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật **nên** cần chấp nhận, buộc bà N.T.T.N phải trả cho Ngân hàng TMCP D số tiền vay còn nợ là **21.146.220 đồng. Trong trường hợp** bà N không thực hiện nghĩa vụ trả nợ hoặc không trả hết nợ thì người bảo lãnh là ông T.D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N.T.T.N.

Đối với yêu cầu của Ngân hàng TMCP D về việc buộc bà N.T.T.N phải tiếp tục trả số tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018 giữa Ngân hàng TMCP D và bà N.T.T.N tính từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết nợ vay, thấy rằng: Yêu cầu này của nguyên đơn là phù hợp với Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn và các điều khoản trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018, phù hợp với quy định tại Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm nên cần chấp nhận.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà N.T.T.N phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; các Điều 280, 282, 344, 345, 385, 398, 401, 463, khoản 5 Điều 466 và Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng TMCP D;

Buộc bà N.T.T.N phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng TMCP D số tiền nợ còn thiếu là: **21.146.220 đồng** (Hai mươi một triệu một trăm bốn mươi sáu nghìn hai trăm hai mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, bà N.T.T.N còn phải chịu khoản tiền lãi phát sinh trên số tiền nợ gốc còn lại theo mức lãi suất nợ quá hạn trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018 giữa Ngân hàng TMCP D và bà N.T.T.N cho đến khi thanh toán xong khoản nợ. Trường hợp trong Hợp đồng tín dụng cho vay trả góp số 00632213/0136265101T18140 ngày 04/6/2018, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng TMCP D thì lãi suất mà bà

N.T.T.N phải thanh toán cho Ngân hàng TMCP D theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng TMCP D.

Trong trường hợp bà N.T.T.N không thực hiện đúng và đầy đủ nghĩa vụ trả nợ thì ông T.D phải thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho bà N.T.T.N theo đúng cam kết của người bảo lãnh tại mục IV của Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn được Hội Liên hiệp phụ nữ phường K, thành phố H ký xác nhận ngày 25/4/2018 giữa người vay là bà N.T.T.N, người bảo lãnh là ông T.D.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Buộc bà N.T.T.N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là **21.146.220 đồng x 5% = 1.057.311 đồng.**

Ngân hàng TMCP D không phải chịu án phí nên được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí 483.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002512 ngày 14/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Thừa Thiên Huế.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi, bổ sung một số điều Luật Thi hành án dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn và bị đơn có mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt nên có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh TT-Huế (Phòng KTNV&THA);
- VKSND thành phố H;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu Tòa DS; Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Ngô Văn Nam**